

TÔN GIÁO VÀ DÂN TỘC

LỄ HỘI RAMUWAN CỦA NGƯỜI CHĂM BÀNI TỈNH BÌNH THUẬN

TRẦN TIẾN THÀNH^(*)

Ramuwan là từ phát âm chữ Ramadan của người Chăm Bàni. Cho đến nay, Ramuwan là một lễ hội lớn và chính thống trong hệ thống lễ hội truyền thống của người Chăm Bàni. Nó có ý nghĩa và chiếm giữ một vị trí quan trọng trong đời sống xã hội của cộng đồng Chăm Bàni. Lễ hội Ramuwan là biểu tượng của linh hồn và niềm tin nơi Thượng Đế, luôn gắn chặt với đời sống của mỗi một con người từ khi cất tiếng khóc chào đời cho đến lúc chết. Nói về tiết lễ hội của cư dân Chăm nói chung, trong đó có Chăm Bàni, *Đại Nam Nhất thống chí* ghi rằng: “Người Chiêm theo Ni tục, cứ ba năm một lần thay đổi tiết lễ như các năm Tý, Sửu, Dần thì làm lễ vào tháng 3; các năm Mão, Thìn, Tị làm lễ vào tháng 4; các năm Ngọ, Mùi, Thân làm lễ vào tháng 5; các năm Dậu, Tuất, Hợi lễ vào tháng 6. Cứ thế luân chuyển mãi đến khi chết thì “thổ táng”⁽¹⁾. Và, tương truyền: Triều Nguyễn, dưới thời vua Minh Mạng, từ năm thứ 14 (Giáp Ngọ - 1834) đã ra sắc chỉ cấm không cho người Chăm Islam giáo thực hiện các nghi lễ trong tháng Ramuwan. Đến năm 1841 (Tân Sửu) - năm thứ nhất đời vua Thiệu Trị, thì lễ hội Ramuwan mới được phục hồi và tồn tại cho mãi đến ngày nay.

Cùng với ý nghĩa thần phục Thượng Đế và vinh danh Allah, người Chăm Bàni thực hành lễ hội Ramuwan còn mang ý nghĩa kế thừa và bảo tồn giá trị bản sắc văn hóa của tôn giáo bản địa cổ Balamôm. Lễ hội Ramuwan là chiếc thang “giao cảm” với Thượng Đế và ông bà Tổ tiên trong đời sống tâm linh của mỗi một tín đồ, đồng thời, là sản phẩm văn hóa và tinh thần được hun đúc từ truyền thống tín ngưỡng dân gian của dân tộc này, góp phần nâng cao giá trị nhân văn và bản sắc văn hóa của dân tộc. Bởi thế, lễ hội Ramuwan có nhiều hình thức, nghi lễ khác nhau, được nối tiếp thành một chuỗi hệ thống các luật tục và lễ hội như là một di sản văn hoá riêng ở hai lĩnh vực lễ hội truyền thống và tín ngưỡng dân gian (Patāng Mukkêi). Lễ hội mang đậm nét tín ngưỡng tôn giáo (Bilanơk), bao gồm: Lễ Sug Amrăm (Kinh hội đầu năm), lễ Sug Yơng (Kinh Hội), lễ Tảo mộ, tháng Ramuwan và lễ Và ha (Waha).

Lễ Sug Amrăm, còn gọi là Kinh hội đầu năm, lễ này được tổ chức vào ngày 1

*. Nhà Nghiên cứu, Thành phố Phan Thiết, Bình Thuận.

1. Có lẽ đã có sự nhầm lẫn trong *Đại Nam nhất thống chí* của triều Nguyễn. Tuy nhiên, đó cũng là một sử liệu của nhà nước phong kiến Việt Nam đã công nhận sự tồn tại của lễ hội Ramuwan trong cư dân Chăm.

tháng 1 theo giáo lịch. Nhưng theo luật tục, ngày đó phải đúng vào ngày thứ 6 trong tuần. Kinh hội đầu năm là lễ nguyện cầu lên Thượng Đế biết năm mới đã đến, cầu xin Thượng Đế phù hộ cho muôn dân luôn có cuộc sống yên lành và thịnh vượng.

Tục truyền, lễ Sug Amrăm chỉ tổ chức ở Thánh đường do vị Tổng Sư cả (Nùn Ray)⁽²⁾ trụ trì và do vị Tổng Sư cả làm chủ lễ - Tổng Sư cả là một tước vị (phẩm trật) được Sư cả ở các Thánh đường trong một tỉnh suy cử lên. Trước khi vào lễ chính thức, vị Tổng Sư cả dâng lễ nguyện lên Thượng Đế và cho phép một vị Mưm 40 có uy tín nhất trong số Mưm 40 của khu vực, ngồi chính giữa cây gậy Thánh và đọc Kinh dâng lễ nguyện.

Sug Amrăm là một lễ mở đầu cho quy trình của lễ hội Ramutwan.

Lễ Sug Yơng, còn gọi là Kinh hội hoặc Kinh hội xoay vòng, được cử hành vào khoảng tháng 5 Chăm lịch, tức là vào khoảng tháng 8 dương lịch. Theo lịch Islam giáo, cứ 8 năm tháng Ramadan lại được lùi lại 3 lần, do vậy lễ Sug Yơng bao giờ cũng phải được diễn ra ở Thánh đường cuối cùng trước tháng Ramadan 30 ngày. Có lễ Sug Yơng thì mới có lễ hội Ramutwan trong tháng Ramadan.

Theo truyền thống, ngày thứ 6 là ngày Thánh lễ khai hội lễ Sug Yơng. Tuy nhiên, lễ này ở mỗi vùng lại có sự khác biệt. Ở cộng đồng Chăm Bàn tỉnh Bình Thuận, mỗi năm cử hành một lần, mỗi tuần tổ chức ở một Thánh đường theo kiểu cuốn chiếu cho đến Thánh đường cuối cùng. Còn đối với cộng đồng cư dân Chăm ở tỉnh Ninh Thuận, thì lệ 3 năm cử hành một lần vào ngày thứ 6 trong tuần, cũng làm ở từng Thánh đường theo phương thức cuốn chiếu. Vì vậy, lễ hội Sug

Yơng ở vùng này kéo dài trong khoảng thời gian một tháng rưỡi. Khác với lễ Sug Amrăm, lễ Sug Yơng khi đến lượt của Thánh đường nào thì vị Sư cả trụ trì của Thánh đường đó làm chủ lễ.

Lễ này, ngoài mục đích cầu cho “quốc thái dân yên”, mưa thuận gió hòa, còn là dịp tiến hành nghi lễ tấu chúc (thọ phong) cho hai vị tu sĩ: một từ phẩm Achar lên KhTib, một từ phẩm KhTib lên Mưm Tân (ngay sau khi được tấu chúc, hai vị chức sắc này thực hành việc dẫn lễ Sug Yơng cho đến hết lễ hội Ramutwan).

Theo tục, mở đầu lễ nguyện, vị Mưm Tân đánh ba hồi trống với ý nghĩa báo cho Thượng Đế và Thiên sứ của Ngài biết cuộc dâng lễ bắt đầu. Vị KhTib Tân trong lễ phục chỉnh tề tiến ra cửa chính, ra dấu mở cửa để chào đón Thượng Đế vào chúng lễ. Sau đó, cả hai vị Mưm Tân và KhTib Tân cùng bước đến giữa Thánh đường đọc kinh cầu nguyện Thượng Đế, rồi đi thẳng đến giá đỡ (IMmpar) và rồi vị KhTib Tân trình mời vị Mưm 40 đón cây gậy Thánh và đọc kinh cầu nguyện (Kinh Qur'an bằng chữ Ả-rập, viết tay, hai mặt trên một loại giấy trắng quăn lại thành cuộn rất dài). Khi Thánh lễ vừa kết thúc, ở ngoài sân trước Thánh đường từng tốp các bà, các chị và các em gái trong lễ phục của áo dài truyền thống, đầu đội từng mâm lễ vật hiến cho Thượng Đế và ông bà Tổ tiên. Các mâm lễ vật được phủ kín bởi các tấm vải mới đẹp, mỗi mâm lễ vật một màu khác nhau. Đây là một tiệc lễ có ý nghĩa “cúng hiến”. Tương truyền, tiệc lễ “cúng hiến” lớn cũng có nghĩa là lễ Sug Yơng mang lại cho dân làng nhiều điều tốt lành.

2. Tước vị Tổng Sư cả (Nùn Ray), ngày xưa người Chăm gọi là “Ông Yêu”, là người đại diện cho chức sắc, tín đồ làm việc với Vua, với các vị Thánh.

Sau khi Sug Yơng tại Thánh đường kết thúc, trong từng gia đình tín đồ (vùng diễn ra lễ Sug Yơng) cũng làm lễ mở tiệc hiến dâng Thượng Đế và ông bà Tổ tiên, một mặt, mừng kết thúc lễ Sug Yơng, mặt khác, thể hiện truyền thống gắn kết trong dòng tộc và tính liên kết cộng đồng giữa họ tộc với xóm làng.

Tục lễ Tảo mộ

Lễ Tảo mộ là một trong năm lễ của hệ thống lễ hội Ramutwan của người Chăm Bàn. Một luật tục quan trọng có ảnh hưởng sâu sắc trong đời sống tâm linh, biểu hiện sự tôn kính, sự biết ơn đối với Tổ tiên, ông bà theo nghĩa “uống nước nhớ nguồn” và hướng về cội nguồn.

Theo luật tục và lệ tục, nghĩa địa (Khunhak) của người Chăm Bàn được chọn ở những nơi có vị trí cao ráo, thông thoáng và sạch sẽ, cách xa làng mạc, xa nơi cư trú của cư dân. Tục về tang lễ của người Chăm Bàn ở tỉnh Bình Thuận và Ninh Thuận mặc dù có một số khác biệt, nhưng sự khác biệt đó không đáng kể. Tục về tang lễ có điểm chung là: lễ tục đơn giản, không phân biệt đẳng cấp, họ tộc. Tang lễ được quy định theo độ tuổi của người chết như sau:

- Đối với người chết là một Sư cả (Pô Grù), phải có 17 vị Achar (thầy Chàng) làm lễ;

- Đối với người chết là các tu sĩ, chức sắc khác và những người giàu có, phải có 13 vị Achar làm lễ;

- Đối với người chết là người có tuổi thọ cao - từ 70 tuổi trở lên, có làm nghi thức rửa tội và do 6 Achar làm lễ;

- Đối với người chết ở độ tuổi từ 10 tuổi cho đến dưới 70 tuổi do 3 vị Achar làm lễ;

- Đối với người chết trẻ - dưới 10 tuổi, nhưng được chôn cất trong nghĩa trang, có 2 vị Achar làm lễ;

- Đối với người chết là trẻ con, người chết trong bào thai hoặc chết không bình thường phải chôn cất tạm (không được chôn cất trong nghĩa trang) để sau này cải táng đưa vào nghĩa trang, do 1 Achar làm lễ.

Mộ của những người chết được chôn theo từng khu vực, họ tộc. Mỗi họ tộc có hai dãy mộ, một dãy chính để chôn những người chết tốt, một dãy phụ để chôn những người chết xấu (chết không nguyên xác), bởi theo lệ tục: nếu người chết xấu mà chôn cùng dãy với người chết tốt, thì linh hồn người chết xấu sẽ quấy phá cuộc sống yên lành của họ tộc và những người đang sống. Trên mỗi ngôi mộ đặt hai cục đá núi³⁾ (làm bia mộ); cục đặt ở phần trên đầu lớn hơn cục ở dưới chân. Tất cả các mộ được chôn có khoảng cách đều nhau, theo hướng Bắc - Nam, mặt quay về hướng Tây (hướng Thánh địa Makkah) nên hai cục đá (ở đầu và chân mộ) được xếp song song chạy dài thành hai hàng thẳng theo hướng Đông - Tây.

Luật tục lễ Tảo mộ được diễn ra trong thời gian 3 ngày, sau một tháng kể từ khi kết thúc lễ Sug Yơng, thường vào các ngày 28, 29 tháng thứ 8 giáo lịch. Lễ Tảo mộ được tổ chức rất tôn nghiêm theo từng hàng, theo từng họ tộc. Ngày diễn ra lễ tảo mộ, từ sáng sớm các tu sĩ và cư dân trong lễ phục truyền thống trang nghiêm, nếu là chức sắc hoặc tu sĩ thì mặc áo dài trắng có viền đỏ quần khăn

3. Những cục đá đặt ở mộ người chết phải là đá sạch, đi lấy ở núi cao hoặc sông, suối - nơi mà không có chân con người giẫm đạp lên, nhằm bảo đảm sự linh thiêng và tôn nghiêm.

màu trắng, đầu bịt khăn trắng có tua màu đỏ và đội Đôn-rong (một loại giỏ được đan bằng tre), bên trong đựng hai hộp bằng đồng có trầu cau đã tằm sẵn, thuốc lá làm lễ vật cúng tế và tay cầm cây gậy.

Sau khi tảo mộ xong (dây cỏ và vun đất cho từng ngôi mộ), người trong họ tộc ngồi thành hai hàng dọc theo dây mộ và đặt lễ vật cúng tế ở phía trước mặt. Vị tu sĩ có phẩm trật cao nhất làm chủ lễ bằng cách: Tay nâng một thùng đựng nước pha cát lồi, vừa đọc kinh cầu nguyện vừa tưới nước lên các cục đá và các mộ với ý nghĩa: tắm rửa để làm sạch những ô uế trong năm qua, để linh hồn người đã khuất được thanh thản và yên lành, hưởng trọn năm mới. Sau khi làm xong tục tẩy rửa, vị tu sĩ chủ lễ đọc kinh cầu nguyện (đọc kinh Phoa thất-âuva) và mọi người đọc theo. Đọc xong, mọi người làm dấu thánh và khấn vái ông bà, tổ tiên phù hộ cho xóm làng, họ tộc cùng những người đang sống được hưởng cuộc sống bình yên và hạnh phúc.

Sau cùng là tục chia cho mỗi người một ít nước vào chén, uống một ngụm rồi tưới lên cục đá của ngôi mộ trước mặt và lấy trầu cau đã tằm sẵn nhét xuống những ngôi mộ. Và, mọi người cùng ăn bánh, hút thuốc, kết thúc lễ tảo mộ.

Ngoài ra, sau khi thực hành xong tục lễ tảo mộ, từng gia đình sửa soạn mua sắm những lễ vật quý để mừng năm mới tại nhà. Lễ mừng năm mới tại nhà do ba vị tu sĩ làm chủ. Khi cúng, vị tu sĩ có phẩm trật cao hơn phải ngồi giữa, các nghi lễ cúng tại nhà kéo dài khoảng một giờ ba mươi phút. Sau khi cúng ông bà, tổ tiên ở từng gia đình xong, vào chiều ngày mùng 1 tháng 9 (giáo lịch) tất cả chức sắc, tu sĩ vào Thánh đường cầu

nguyện mở đầu cho tháng Ramưwan của người Bani.

Tháng Ramadan

Người Chăm Bani có một hệ thống chức sắc và tu sĩ chuyên nghiệp. Do vậy, thực hành những luật tục trong tháng Ramadan là bổn phận và chức năng của những chức sắc và tu sĩ, bao gồm: Sư cả (Pô Grù), Mưm (thầy Mưm), KhTib và Achar (thầy Chang); những tín đồ Bani kể cả nam tín đồ, theo luật cũng không phải thực hành tháng Ramadan.

Tháng Ramadan, bắt buộc tất cả tu sĩ đều phải vào Thánh đường. Trong tháng này, người Bani cũng thực hành năm lễ nguyện (đi kinh) trong một ngày. Các loại kinh trong lễ nguyện thứ tự như sau: *Kinh Vất rcha, Vất Chuphi, Vất Vári, Vất ótchari và Vất Càripa*. Tháng Ramadan của người Bani còn thực hành bắt buộc hai luật tục quan trọng là: lễ đổi gạo (một hình thức bố thí) và lễ đưa cây gậy Thánh ra ngoài, với các nghi thức rất tôn nghiêm.

Các chức sắc, tu sĩ sau khi hoàn tất công việc chuẩn bị, đứng vào lúc hoàng hôn (mặt trời lặn), dưới sự điều khiển của vị Sư cả, tất cả tu sĩ đi về phía bên trái của Thánh đường, xếp thành từng hàng và phải nhìn về hướng Tây (nơi những ánh hoàng hôn đang chiếu sáng) và đọc kinh dâng lễ nguyện để tâu với Thượng Đế về số lượng tín đồ của Thánh đường và số chức sắc, tu sĩ vào tháng Ramadan. Trước khi vào bên trong Thánh đường, các chức sắc phải đứng trên các phiến đá hoặc những ô kê trên nền sân xi măng làm thủ tục tẩy thể.

Trong suốt tháng Ramadan, những chức sắc Bani thực hiện ba trong năm điều sống đạo (năm cốt đạo) là xác tín,

cầu nguyện mỗi ngày và thực hiện tượng trưng bố thí bằng hình thức lễ dổi gạo. Lễ dổi gạo được tiến hành vào ngày cuối cùng của tháng Ramadan.

Người Bàni quan niệm thực hiện tháng Ramadan là tháng “ép xác”, bởi họ tin rằng kiêng kị mọi sinh hoạt của con người và nhịn ăn, nhịn uống để hiểu và thông cảm cho những cảnh nghèo khó của con người để nhận biết về những thiệt thòi của những người thiếu may mắn, và là điều kiện tạo cho họ một nghị lực chế ngự mọi ham muốn tầm thường và những dục vọng xấu xa trong cuộc sống.

Tháng Ramadan, ngoài Thánh lễ ngày thứ 6, người Bàni còn có 2 Thánh lễ được coi là quan trọng hơn hết là lễ vào đêm của ngày thứ 15 và đêm của ngày thứ 20. Đêm thứ 15 gọi là 15 nôi hay còn gọi là đêm Ró mú, có nghĩa là đêm rước Bà; đêm thứ 20, gọi là đêm 20 nôi, còn gọi là Ró ôn, có nghĩa là đêm đón Ông.

Ngoài ra, vào đêm thứ 27 của tháng Ramadan còn có lễ tấu chúc phẩm M.Thành cho một vị tu sĩ AChar. Mỗi Thánh đường chỉ được tấu chúc cho một tu sĩ duy nhất.

Lễ Vàha

Lễ Vàha còn gọi là lễ Tết ra. Theo cổ tục, lễ này khai hội vào khoảng thời gian đúng lúc mặt trời lặn của ngày thứ năm, của một ngày cách ngày kết thúc tháng Ramadan vừa tròn 2 tháng 10 ngày, để ngày thứ 6 kế tiếp thực hiện dâng lễ nguyện kết thúc quy trình lễ hội Ramưwan.

Tục truyền, trước ngày khai hội lễ Vàha 10 ngày, tất cả cộng đồng cư dân Chăm (cả Chăm Bàni và Chăm Balamôn) đều thực hiện tục kiêng không sát sinh, không có những hành vi gây gỗ làm mất

trật tự trong làng (Play). Đối với người Chăm Balamôn, nếu trong dịp diễn ra lễ Vàha mà có người chết là một điều xấu, thân xác người chết không được hoả táng mà phải đem chôn, đúng 3 năm sau lấy cốt đưa đi hoả táng rồi mới nhập Kút theo tục. Tục này, không biết có từ bao giờ, nhưng các cộng đồng cư dân Chăm thực hành rất nghiêm ngặt.

Trong lễ Vàha còn cử hành tục cất cổ và làm thịt hai con gà bộ lông màu trắng; tục đưa cây gậy Thánh ra ngoài lần thứ 2 và lễ tấu chúc (thọ phong) Mưm 40. Tục đưa cây gậy Thánh ra ngoài lần thứ hai trong một năm, chỉ được thực hành khi trong thời gian lễ Vàha không diễn ra những điều xấu, điều không lành trong cộng đồng.

Lễ tục đưa cây gậy Thánh ra ngoài được thực hiện một năm 2 lần, lần đầu vào ngày cuối cùng của tháng Ramadan và lần thứ 2, nghi thức sau cùng để kết thúc lễ Vàha - lễ kết thúc chuỗi hệ thống lễ hội Ramưwan.

Cây gậy Thánh là biểu tượng của uy quyền và sức mạnh của Thượng Đế được làm bằng gỗ Trầm hương, có chiều dài 2,2 mét và đường kính 0,04 mét. Những ngày thường, cây gậy Thánh được bọc một lớp vải nhung màu đỏ và được bảo vệ bằng một lớp vải trắng, treo trên mái Thánh đường (bên trên Toà thánh Thượng Đế), khi làm lễ được rước tới và để bên cạnh Toà thánh Thượng Đế. Lễ đưa cây gậy Thánh có ý nghĩa thiêng liêng trong đời sống tinh thần của người Chăm Bàni. Theo luật tục: Nếu trong tháng Ramadan và trong dịp lễ Vàha, dân làng không gặp những điều xấu xa, không có người chết cũng có nghĩa là dân làng được hưởng một tháng Ramadan hoặc một lễ Vàha trọn vẹn và

yên lành, thì mới được phép thực hành đưa cây gậy Thánh ra ngoài.

Nghi lễ đưa cây gậy Thánh ra ngoài được tổ chức nghiêm ngặt và long trọng trong sự tôn vinh, được thực hành làm 2 bước. Trước tiên, là làm thủ tục đưa cây gậy Thánh xuống, bước tiếp theo là đưa cây gậy Thánh ra ngoài. Từ buổi chiều hôm trước, sau khi dâng lễ nguyện, vị M.Thành tiến tới đón cây gậy Thánh từ mái nhà bên trên của Tháp gỗ (IMmpar) hay còn gọi là Toà thánh Thượng Đế xuống, chuyển cho vị M.Thành mới, rồi vị M.Thành cũ làm thủ tục mở lớp vải trắng bọc bên ngoài, sau đó vị M.Thành mới cầm cây gậy Thánh hướng về phía Toà thánh Thượng Đế. Lúc này, vị Sư cả trong lễ phục trang trọng từ trên chiếc giường bước xuống, làm lễ cho vị M.Thành mới, KhTib Tân và Mưm Tân cùng làm dấu Thánh; cây gậy Thánh tiếp tục được chuyển xuống, được vị M.Thành mới đón nhận và nâng lên trao cây gậy Thánh cho vị Sư cả làm thủ tục. Vị Sư cả tiếp nhận và nâng cây gậy lên ngang ngực, vuốt dọc cây gậy Thánh với ý nghĩa là để đón nhận những phúc lành của Thượng Đế ban cho. Sau cùng, vị M.Thành cũ hướng dẫn cho vị M.Thành mới đón cây gậy Thánh và đưa đến đặt đứng bên cạnh Toà thánh Thượng Đế, để sáng ngày hôm sau làm lễ chuyển cây gậy Thánh ra ngoài.

Đến sáng hôm sau (ngày thứ 30 của tháng Ramadan), sau khi hoàn thành dâng lễ nguyện, ba vị M.Thành bước vào Thánh đường, tiếp theo là vị Mưm Tân và KhTib Tân. Vị M.Thành tiến thẳng đến Toà thánh Thượng Đế đọc một câu kinh cầu nguyện và làm dấu Thánh, lấy hai tay vuốt dọc cây gậy Thánh (lúc này đã có 6 vị tu sĩ khác đứng thành hai hàng, mặt quay ra hướng cửa của Thánh

đường). Vị M.Thành hai tay nâng cây gậy Thánh lên từ nơi Toà thánh Thượng Đế, đi dưới tấm vải trắng do 6 vị tu sĩ căng lên, vừa đi vừa đọc kinh cầu nguyện. Cây gậy Thánh đưa ra ngoài, được rước đến trước nhà khách của Thánh đường. Ngay sau đó, vị M.Thành tiếp tục đưa cây gậy Thánh vào đặt lại chỗ quy định.

Sau cùng, là vị KhTib Tân tiến đến Toà thánh Thượng Đế, cầm cây gậy làm dấu thánh và đọc kinh cầu nguyện kết thúc lễ nguyện đưa cây gậy Thánh ra ngoài, cũng có nghĩa là kết thúc lễ hội Ramurwan và lễ Vaha.

Lễ tục đối gạo, tục này được tiến hành vào sáng ngày thứ 30 của tháng Ramadan (mang ý nghĩa như bố thí của Islam giáo), do vị Mưm Tân làm chủ lễ.

Theo quy định, gạo đựng sẵn vào thúng và được xếp thành hai hàng dọc theo hướng Đông - Tây của Thánh đường, các tu sĩ cũng ngồi vào chỗ phân gạo của mình được người nhà đem đến (mỗi thúng gạo có một cái chén). Để chia gạo không sai sót, các vị tu sĩ phải báo cho vị Mưm Tân biết dòng tộc, họ hàng của mình có bao nhiêu người chết, bao nhiêu người còn sống. Khi lễ chia gạo bắt đầu, vị Mưm Tân tay cầm một cái ống dong gạo bằng tre (được cắt một đầu dài, một đầu ngắn); đầu dài là suất dong cho người đàn ông và đầu ngắn là suất dong cho người phụ nữ, (theo quan niệm đàn ông ăn nhiều, phụ nữ ăn ít). Theo luật tục, khi vị Mưm Tân xúc ở phía trước là phần suất của người sống, còn xúc ở phía sau là phần suất cho người chết; mỗi lần 3 ống cho một người, cứ thế chia cho đến khi hết gạo. Tiếp theo, chia gạo của mình cho người bên cạnh và người bên cạnh cũng đưa chén gạo của mình cho vị Mưm Tân; rồi vị Mưm Tân lại xúc chén gạo

khác đổi cho người tiếp theo,...Cứ thế, đổi cho đến khi hết gạo và thúng gạo của mỗi người có đủ số chén gạo của tất cả các tu sĩ trong Thánh đường, đồng thời là kết thúc lễ đổi gạo.

Tục lễ cắt cổ gà

Trong thời gian di kinh (dâng lễ) để đưa cây gậy Thánh về đặt lại bên trên Tòa thánh Thượng Đế, nghiêm cấm mọi người không ai được đi lại dọc hai bên Thánh đường. Theo quy định, ở thời điểm này vị M.Thành được ra ngoài đến phía góc phải của Thánh đường để làm lễ cắt cổ gà; cặp gà để làm lễ hiến cúng thần linh, phải là cặp gà có bộ lông toàn màu trắng và do người nhà của vị Kh.Tib tân chuẩn bị trước, mang đến chờ sẵn với một con dao thật bén và một chén nước. Khi cắt cổ gà, vị M.Thành ngói quay mặt về hướng Tây, miệng đọc kinh cầu nguyện; cầu nguyện xong lấy nước rửa cổ gà cho sạch và theo lễ tục thì khi cắt phải cho máu con gà chảy xuống đất. Khi con thứ nhất chết hẳn thì được phép cắt cổ con thứ hai.

Việc thực hành tục lễ cắt cổ gà với ý nghĩa để loan báo cho mọi tín đồ biết là thời gian kiêng kị đã kết thúc, từ đây đ-ược sát sinh, được làm các công việc bình thường của con người trong đời sống hàng ngày.

Tục cắt bì

Người Bàni thực hành “phép cắt bì” cho các bé trai, bé gái ở độ tuổi trưởng thành, tức ở độ tuổi từ 14 đến 15 tuổi, là một lễ nghi bắt buộc đánh dấu thời kì chuyển tiếp của tuổi trưởng thành trong đời người (tuổi chuẩn bị bước vào hôn nhân); sự nhìn nhận của Thượng Đế đối với con người - có ý nghĩa là lễ nhập đạo.

Phép cắt bì, đối với các bé trai gọi là tục cắt da quy đầu (lễ Khatan); đối với

các bé gái gọi là tục cấm phòng (Karoh). Nhưng bởi truyền thống bản địa cổ nên phép cắt bì đối với các bé gái được coi quan trọng hơn và tổ chức rất nghiêm trang, bằng hình thức cắt tóc một cách tượng trưng. Theo luật tục, phép cắt tóc (Nga Oroh) được tổ chức cho từ 5 đến 7 bé một lượt, thường là trong cùng một họ tộc và được tổ chức tại một tư gia hoặc tại Thánh đường. Nghi lễ Cấm phòng (Karoh) được tiến hành như sau: Từ chiều hôm trước, các bé gái đã đến tuổi “Cấm phòng” tập trung về nơi Thánh đường (chùa) và được sắp xếp ngủ ở một nơi chuẩn bị trước, nghiêm cấm không được phép ra ngoài. Vì vậy, phải cử 4 bà già canh giữ; vị Sư cả (Pô Grù) và các thầy Mưm đọc kinh cầu nguyện ở Thánh đường hoặc ở một ngôi nhà được chuẩn bị trước (nơi sẽ diễn ra lễ Karoh). Đến sáng ngày hôm sau, các cô gái làm thủ tục tẩy thể, mặc lễ phục màu xanh đỏ và được một người đàn ông mặc y phục màu trắng (y phục truyền thống của người Chăm) và một người đàn bà lớn tuổi, bồng một cháu bé (khoảng chừng một tuổi) hướng dẫn các bé gái lần lượt vào nơi làm lễ đã được định. Vị Sư cả giữ vai trò chủ lễ, sau lời cầu nguyện Thượng Đế, ông đặt vào miệng bé gái đang chịu lễ một hạt muối, cắt một lọn tóc và cho uống một ngụm nước. Sau đó, bé gái vừa chịu lễ quay lại ngôi nhà để tiếp tục cấm phòng. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày hôm đó, các bé gái vừa chịu lễ thay y phục màu trắng trở ra và quay lại nhà chịu lễ, lạy tạ vị Pô Grù và các thầy Mưm. Sau cùng, vị Pô Grù đặt tên thánh cho các bé gái này.

Kết thúc lễ cấm phòng (Karoh), các bé gái được cha mẹ, bạn bè chúc mừng và tặng nhiều vật phẩm trang sức quý, hơn thế nữa được tặng cả trâu bò, ruộng đất như là của hồi môn khi lập gia đình./